TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS - ST
Ngày: 21 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N -TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Hoàng Văn Ứng.
- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-TCDS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST – TCDS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân B1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Xóm Đồng Ninh, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Y là ông Đặng Xuân B1; địa chỉ: Xóm Đồng Ninh, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Lương Văn B, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt: Ông B1, anh B và chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y trình bày: Trên cơ sở có quen biết nên ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y có cho vợ chồng anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D vay một số tiền để làm ăn kinh tế trong gia

đình tổng cộng là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), cụ thể: Ngày 13/02/2021 (âm lịch) ông B1 và bà Y cho anh B chị D vay số tiền là 1.050.000.000 đồng; ngày 13/02/2021 (âm lịch) cho vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 14/3/2021 (âm lịch) cho vay số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 14/4/2021 (âm lịch) cho vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 13/5/2022 (âm lịch) cho vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 08/12/2022 (âm lịch) cho vay số tiền là 200.000.000 đồng. Tất cả các lần vay hai bên đều viết giấy vay nợ với nhau còn lãi suất thoả thuận miệng là 1,5%/tháng. Tuy nhiên từ đó cho đến nay anh B chị D chưa trả cả gốc và lãi cho ông B1 và bà Y. Ông B1 và bà Y đã nhiều lần đòi nhưng anh B chị D cứ hứa hẹn không trả. Nay ông B1 và bà Y khởi kiện yêu cầu anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D phải trả lại cho ông bà số tiền gốc đã vay là 1.700.000.000 đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Ông B1 và bà Y không yêu cầu anh B chị D phải trả lãi đối với số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất trình bày: Anh chị công nhận có vay của của ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y số tiền tổng cộng là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) như ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y trình bày ở trên là đúng. Nay do làm ăn khó khăn không còn khả năng trả nợ anh B chị D đề nghị ông B1 và bà Y miễn lãi cho vợ chồng anh chị và anh chị xin trả lại số tiền vay gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Do anh chị không có khả năng trả nợ lên anh chị xin thanh lý tài sản là nhà đất đứng tên của vợ chồng anh chị để trả nợ lại cho ông B1 và bà Y cùng những người khác vì vợ chồng anh chị còn nợ nhiều người.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà. Về nội dụng: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 357 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y: Buộc vợ chồng anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho ông B1 và bà Y số tiền gốc đã vay là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Về án phí: Buộc anh B, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D đăng kí hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định vợ chồng anh B và chị D vay tiền của ông B1 và bà Y và có viết giấy biên nhận với nhau còn lãi suất thoả thuận miệng với nhau là 1,5%/tháng, nhưng sau khi vay thì vợ chồng anh B chị D không trả lãi và gốc, ông B1 và bà Y đã nhiều lần đòi nợ anh B chị D nhưng anh B chị D không trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2021 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng anh B, chị D có vay của ông B1 và bà Y tiền để làm ăn kinh tế thể hiện qua giấy biên nhận ngày 13/02/2021 (âm lịch) số tiền là 1.050.000.000 đồng; ngày 13/02/2021 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng; ngày 14/3/2021 (âm lịch) số tiền 50.000.000 đồng; ngày 14/4/2021 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng; ngày 13/5/2022 (âm lịch) số tiền 200.000.000 đồng; ngày 08/12/2022 (âm lịch) số tiền là 200.000.000 đồng, tổng cộng số tiền vay là: 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Nay ông B1 và bà Y khởi kiện yêu cầu anh B, chị D trả nợ số tiền vay là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Phía anh B, chị D cũng nhất trí nhưng do anh chị không có khả năng trả nợ lên anh chị xin thanh lý tài sản là nhà đất đứng tên của vợ chồng anh chị để trả nợ lại cho ông B1, bà Y và mọi người. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí là 63.000.000 đồng.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y: Buộc anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải trả cho ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Đặng Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000 đ (Ba mươi mốt triệu lăm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000913 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.